

Số: 591/QĐ-TTYT

Hàm Thuận Bắc, ngày 30 tháng 12 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố công khai dự toán ngân sách năm 2023  
của Trung tâm Y tế huyện Hàm Thuận Bắc**

**GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN HÀM THUẬN BẮC**

Căn cứ Quyết định số 1266/QĐ-UBND ngày 15 tháng 5 năm 2017 của UBND tỉnh Bình Thuận về việc thành lập Trung tâm Y tế huyện Hàm Thuận Bắc trực thuộc Sở Y tế trên cơ sở hợp nhất Trung tâm Y tế huyện Hàm Thuận Bắc và Bệnh viện huyện Hàm Thuận Bắc;

Căn cứ Quyết định số 548/QĐ-SYT ngày 29 tháng 5 năm 2017 của Sở Y tế Bình Thuận về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức bộ máy, biên chế và mối quan hệ công tác của Trung tâm Y tế huyện Hàm Thuận Bắc;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước; Thông tư 132/2017/TT-BTC ngày 15/12/2017 của Bộ Tài chính quy định về tổ chức thực hiện Dự toán ngân sách năm 2018;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 2850/QĐ-SYT ngày 28/12/2022 của Sở Y tế tỉnh Bình Thuận về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2023;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài chính - Kế toán,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2023 của Trung tâm Y tế huyện Hàm Thuận Bắc theo phụ lục 01 đính kèm.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Trưởng, phó các Khoa, Phòng, Phòng khám đa khoa khu vực, Trạm y tế xã, thị trấn và các bộ phận có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

**Nơi nhận:**

- Như điều 3;
- Sở Y tế;
- GD, các PGD;
- Web site TTYT;
- Lưu: VT, TCKT.



Đơn vị: Trung tâm y tế huyện Hàm Thuận Bắc

Chương: 423



### DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

(Kèm theo Quyết định số 591/QĐ-TTYYT ngày 30/12/2022 của Trung tâm y tế huyện Hàm Thuận Bắc)

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Đvt: đồng

| Số TT    | Nội dung   | Dự toán giao          |
|----------|--|-----------------------|
| 1        | 2  | 3                     |
| <b>I</b> | <b>Dự toán chi ngân sách nhà nước</b>  | <b>32.676.780.000</b> |
| <b>1</b> | <b>Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình</b>  | <b>32.676.780.000</b> |
| -        | Kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ (hỗ trợ chi thường xuyên)  | 31.596.000.000        |
| -        | Kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ: 10% tiết kiệm để thực hiện cải cách tiền lương  | 3.000.000             |
| -        | Kinh phí chi không thường xuyên/ không tự chủ  | 1.077.780.000         |
| +        | Kinh phí mua sắm thiết bị đọc Qrcode trên thẻ căn cước công dân gắn chip điện tử phục vụ khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế bằng thẻ căn cước công dân                           | 141.780.000           |
| +        | Kinh phí hỗ trợ thực hiện chính sách Dân số-Kế hoạch hóa gia đình  | 463.000.000           |
| +        | Kinh phí thực hiện các hoạt động về an toàn thực phẩm  | 24.000.000            |
| +        | Kinh phí chăm sóc sức khỏe người cao tuổi  | 283.500.000           |
| +        | Kinh phí bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ  | 138.500.000           |
| +        | Kinh phí hỗ trợ chi trả tiền lương, tiền công cho hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 và Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ | 27.000.000            |